

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 634/2025/HC-PT

Ngày 22 tháng 5 năm 2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1028/2025/QĐPT-HC ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trương Thị S, sinh năm 1957; Địa chỉ: số B, tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2024 -có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ: khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ: khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Hạt Kiểm lâm T4; Địa chỉ: khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bình D - Chức vụ: Hạt trưởng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Sơn Ngọc L, sinh năm 1957; Địa chỉ: tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị S là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 10/9/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Diện tích đất 2.076m² hiện nay gia đình bà S đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trước năm 1975 đến năm 1983, do hậu quả của chiến tranh nên không có cá nhân nào quản lý, sử dụng. Đến năm 1983, bà S tiến hành rà phá bom mìn để vào canh tác, trồng trọt.

Bà S xây nhà trên đất này để sinh sống. Vợ chồng bà S sinh được các người con gồm: ông Sơn Ngọc T1, sinh năm 1975; ông Sơn Hải T2, sinh năm 1978; bà Sơn Thị Kim D1, sinh năm 1980; ông Sơn Long H, sinh năm 1983 và bà Sơn Thị Tuyết N; đã được cơ quan cấp giấy tờ đăng ký thường trú cho gia đình bà S.

Ngày 24/6/2003, bà S được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, ngành nghề: cà phê - giải khát tại phần đất này.

Năm 2016, do thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo mở rộng đường ĐT 747 nên phần đất trên từ diện tích 2.076m² bị giảm 171,3m² chỉ còn lại diện tích 1.904,7m² nhưng UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã không ban hành quyết định thu hồi đất, không thực hiện đền bù, hỗ trợ cho gia đình bà S. Tính đến năm 2024, bà S đã quản lý, sử dụng đất được 41 năm và xây dựng nhà ở, kinh doanh được 21 năm.

Vào tháng 3, 4/2023, UBND phường U liên tục yêu cầu bà S di dời nhà nhà cửa, tài sản ra khỏi đất vì cho rằng bà S “lấn chiếm đất công” do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã (nay là thành phố) tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 15/3/2024, UBND phường U lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai cho rằng bà S đã có hành vi “chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý” với diện tích đất lấn chiếm là 1.904,7m²; thời điểm vi phạm là năm 1985; vi phạm điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đến ngày 25/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ buộc bà S thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó, bà S

phải di dời tài sản khỏi đất và nộp tiền thu lợi bất chính vì đã lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý.

Không đồng ý với Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ, bà S khiếu nại và đến ngày 05/7/2024, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại số 4313/QĐ-UBND với nội dung bác toàn bộ khiếu nại của bà S.

Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy: Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T, Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu); Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên và Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc giao đất và thu hồi đất, với các lý do sau đây:

1. Thứ nhất, bà S không lấn chiếm đất công mà sử dụng đất hợp pháp, liên tục, ổn định từ năm 1983, từ trước khi Nhà nước ban hành Luật Đất đai.

Thứ hai, theo điểm đ khoản 1 Điều 3 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định “người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính”. Chủ tịch UBND thành phố cho rằng ban đầu bà S chỉ xây dựng chòi lá (năm 1985), sau này bà S mới lấn chiếm mở rộng. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND thành phố T không chứng minh được chòi lá ban đầu bà S xây dựng có diện tích bao nhiêu và bà S đã lấn chiếm mở rộng khi nào?. Lý do bà S không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã vi phạm pháp luật nghiêm trọng khi giao đất tại Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990.

Thứ ba, Chủ tịch UBND thành phố cho rằng diện tích 2.076m² hiện nay gia đình bà S đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35. Từ năm 1979 đến năm 1990, do UBND phường U quản lý là không đúng, vì tại Văn bản số 357/UBND-ĐC ngày 26/7/2024, UBND phường U xác định không quản lý, sử dụng phần đất trên từ năm 1979 đến năm 1990. Hồ sơ cũng không có tài liệu nào chứng minh năm 1986 Hạt Kiểm lâm T4 có phối hợp cùng Huyện đoàn tổ chức lễ phát động trồng cây nhớ ơn Bác tại khu vực thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường U hiện nay.

2. UBND thành phố T đã vi phạm về việc giao đất cho Hạt Kiểm lâm T4 (nay là Hạt Kiểm lâm T4) tại Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990; cụ thể: diện tích 2.076m² đất hiện nay thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường U do bà S sử dụng từ năm 1983 theo khoản 1 Điều 2 của Luật đất đai năm 1987 thì bà S sử dụng là hoàn toàn hợp pháp. UBND phường U không quản lý và không có hồ sơ quản lý phần đất trên từ năm 1979 đến năm 1990. Ông Hồ Văn T3 và bà S cũng đang sử dụng hai phần đất dọc hai bên đường liên tỉnh lộ 16.

Tuy nhiên, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 giao 03 ha đất dọc hai bên đường liên tỉnh lộ 16 cho Hạt Kiểm lâm T4 (bao gồm phần đất của ông T3 thuộc thửa đất số 130, tờ

bản đồ số 35 và diện tích 2.076m² mà bà S đang sử dụng) trong khi bà S và ông T3 chưa có quyết định thu hồi đất. Do đó, Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên là hoàn toàn trái pháp luật, vi phạm khoản 4 Điều 12 của Luật Đất đai năm 1987. UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 nhưng chưa tổ chức thi hành quyết định này để giao đất trên thực địa cho Hạt Kiểm lâm T4. Theo Điều 3 của Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 thì Hạt Kiểm lâm “chỉ được sử dụng khi đã tổ chức cắm mốc tại thực địa”. Tuy nhiên, kể từ khi ban hành Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 cho đến nay, thực tế UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên không tiến hành đo đạc, cắm mốc, xác định ranh giới, mốc giới và giao đất trên thực địa để Hạt Kiểm lâm T - Phú Giáo sử dụng theo Điều 3 của Quyết định số 310/QĐ/UB.

3. UBND đã viện dẫn Luật đất đai năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương để ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 là không phù hợp, vì trong cả hai văn bản trên không có điều khoản nào quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để ban hành “Quyết định phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý”; không có khái niệm thế nào là đất công?. Ngoài ra, bà S cũng không nhận được Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà S là ông Nguyễn Huy T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 và Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990, phần yêu cầu hủy có liên quan đến quyền lợi của bà S.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T trình bày ý kiến tại Văn bản số 6496/UBND-NC ngày 19/11/2024 như sau:*

Theo kết quả xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng khu đất của bà S, trên cơ sở lấy ý kiến những người lớn tuổi có đất canh tác gần đất bà S đang sử dụng thì:

Trước năm 1975, thửa đất hiện nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ 35 tọa lạc tại phường U thuộc đồn bót của chế độ cũ. Từ năm 1975 đến 1979, lực lượng vũ trang Huyện đội đóng quân; sau năm 1979, chuyển đi nơi khác thì đất do chính quyền địa phương quản lý; hiện trạng là khu đất trống, cây bụi nhỏ, sỏi, đá và tàn tích của các đồn bót cũ. Việc bà S cho rằng đến khai phá trồng hoa màu và cây lâu năm vào năm 1983 là không có cơ sở. Khoảng năm 1985, bà S có dựng chòi lá tạm để làm điểm bán nước giải khát cho người dân có đất sản xuất nông nghiệp gần đó; bà S chỉ kinh doanh vào ban ngày, ban đêm về nhà ở của bà S cách đó khoảng 600m (nay thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 35 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00845 QSDĐ/TU ngày 15/01/2004 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa do Sở Xây dựng tỉnh S cấp ngày 08/3/1988 cho ông Sơn Ngọc L, số nhà H, tổ A, ấp D, U, T). Năm 1986, Hạt Kiểm lâm T4 có phối hợp cùng Huyện đoàn có tổ chức phát động trồng cây nhớ ơn Bác, trồng trà tại thửa đất số 96, lúc này có chòi lá tạm của bà S trên đất.

Năm 1990, Hạt Kiểm lâm T4 có tờ trình xin giao đất; UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 310/QĐ/UBD ngày 13/3/1990

giao toàn bộ khu đất (nay thuộc thửa đất số 96, bao gồm đất có chòi lá của bà S) cho Hạt Kiểm lâm T4 quản lý.

Từ sau năm 1985, thửa đất do Hạt Kiểm lâm T4 - Phú Giáo quản lý, trồng cây lâu năm (tràm) trên đất nhưng vẫn để bà S sử dụng chòi lá bán nước giải khác vào ban ngày. Đến năm 2001, bà S xây dựng nhà ở nên Hạt Kiểm lâm T4 cùng UBND thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng xuống lập biên bản ngày 08/3/2001, ông Sơn Ngọc L (chồng bà S) đồng ý ký biên bản có nội dung: *để tránh mưa nắng ông L có xây dựng vách nhà để ở nhưng sau này có ý kiến di dời của Nhà nước ông L không khiếu nại về đền bù thiệt hại...*

Tiếp đó, Hạt Kiểm lâm T4 cùng UBND thị trấn (nay là phường) xuống lập biên bản yêu cầu bà S trả đất vào ngày 29/4/2002. Ngày 29/8/2002, bà S thừa nhận đất của Nhà nước, nhất trí di dời trả lại nhưng hoàn cảnh khó khăn đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí...

Ngày 16/3/2011, Phòng T5; UBND phường U tiếp tục lập biên bản vận động gia đình bà S trả đất nhưng bà S yêu cầu được sử dụng diện tích 576m², đồng ý trả lại diện tích 1.500m².

Năm 2014, bà S khởi kiện UBND phường U về việc không xác nhận vào đơn xin cấp đất cho bà S; Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HC-ST ngày 14/11/2014 và Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2015/HC-PT ngày 25/3/2015 đã bác yêu cầu khởi kiện của bà S.

Đến ngày 19/7/2021, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND, theo đó thửa đất số 96 (có một phần đất đang do bà S lấn chiếm sử dụng) thuộc danh mục đất công do Nhà nước quản lý.

Đến ngày 24/3/2023, UBND phường U thông tin đến bà S về việc đề nghị bà S di dời, bàn giao phần diện tích đất bà S sử dụng thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường U vì đất thuộc danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

Ngày 17/4/2023, UBND phường U có Thông báo số 02/TB-UBND đề nghị bà S bàn giao phần diện tích đất đang sử dụng (một phần thửa đất số 96) với thời hạn thực hiện là 30 ngày, kể từ ngày nhận thông báo. Sau đó, UBND phường U tiếp tục có các Thông báo số 52/TB-UBND ngày 21/6/2023; số 104/TB-UBND ngày 16/8/2023; số 119/TB-UBND ngày 11/9/2023, đề nghị bà S tự tháo dỡ công trình và bàn giao đất nhưng bà S không chấp hành.

Ngày 15/3/2024, UBND phường U lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC về hành vi chiếm đất nông nghiệp của bà S (đối với một phần thửa đất số 96) với diện tích lấn chiếm là 1.904,7m².

Ngày 19/3/2024, Chủ tịch UBND phường U có Tờ trình số 18/TTr-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà S.

Ngày 25/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1948/QĐ- KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tháng 4/2024, bà Trương Thị S có đơn khiếu nại Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024. Ngày 05/7/2024, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4313/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu).

Vì những lý do trên, Chủ tịch UBND thành phố T không đồng ý với yêu cầu của bà S về việc hủy Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T; hủy Quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T; hủy Quyết định số 310/QĐ/UBND ngày 13/3/1990 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên; hủy Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử bác đơn khởi kiện của bà Trương Thị S.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố T trình bày:* Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người bị kiện.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hạt Kiểm lâm T4 trình bày:* Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người bị kiện.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Sơn Ngọc L (chồng bà S) trình bày:* Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 164, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về việc hủy Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu) đối với Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2025, bà Trương Thị S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Trương Thị S (do ông Nguyễn Huy T đại diện) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Trương Thị S làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị S và Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu).

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 15/3/2024, UBND phường U lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với bà Trương Thị S đã có hành vi “Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý” với diện tích đất lấn chiếm 1.904,7m²; thời điểm vi phạm là năm 1985; vi phạm điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thời điểm vi phạm của bà S được phát hiện vào khoảng năm 1985 đến thời điểm lập biên bản 08/BB-VPHC ngày 15/3/2024 đã hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Nên, ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ về buộc khắc phục hậu quả đối với bà S.

Không đồng ý với Quyết định 1948, bà S có đơn khiếu nại; ngày 05/7/2024 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4313/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà S.

Theo đó, việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành các Quyết định số 1948, 4313 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 65, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] Về nội dung của các quyết định hành chính bị kiện:

[2.1] Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị S.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện diện tích 1.904,7m² thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường T mà bà S bị lập biên bản về hành vi “Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý” có nguồn gốc trước năm 1975 thuộc đồn bót của chế độ cũ. Từ năm 1975 đến 1979, lực lượng vũ trang Huyện đội đóng quân; sau năm 1979, chuyển đi nơi khác thì đất do chính quyền địa phương quản lý. Khoảng năm 1985, bà S có dựng chòi lá tạm để làm điểm bán nước giải khát; Tuy nhiên, bà S chỉ bán nước vào ban ngày (ban đêm bà S về nhà cách đó 600m). Năm 1986, Hạt Kiểm lâm T4 quản lý, trồng cây lâu năm (tràm) trên đất số 96 nhưng vẫn để cho bà S sử dụng chòi lá để bán nước vào ban ngày.

Ngày 13/3/1990, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 310/QĐ/UBND giao toàn bộ thửa đất số 96, bao gồm đất có chòi lá của bà S cho Hạt Kiểm lâm T4 quản lý.

Đến năm 2001, bà S xây dựng nhà ở nên Hạt Kiểm lâm T - Phú Giáo cùng UBND thị trấn U đã lập Biên bản ngày 08/3/2001; theo đó ông Sơn Ngọc L (chồng bà S) đồng ý và ký biên bản có nội dung: “*Để tránh mưa nắng ông L có xây dựng vách nhà để ở nhưng sau này có ý kiến di dời của Nhà nước ông L không khiếu nại về đền bù thiệt hại...*”.

Thực hiện quyền quản lý được Nhà nước giao, ngày 29/4/2002, Hạt Kiểm lâm T4 cùng UBND thị trấn U đã lập Biên bản yêu cầu bà S trả đất cho Hạt Kiểm lâm. Ngày 29/8/2002, bà S thừa nhận đất của Nhà nước, nhất trí di dời trả lại nhưng hoàn cảnh khó khăn đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí...

Ngày 16/3/2011, Phòng T5; UBND phường U tiếp tục lập biên bản vận động gia đình bà S trả đất nhưng bà S yêu cầu được sử dụng diện tích 576m², đồng ý trả lại diện tích 1.500m².

Năm 2014, bà S xin đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được chấp thuận, bà S khởi kiện UBND phường U về hành vi không xác nhận đơn xin cấp đất của bà S. Theo đó, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HC-ST ngày 14/11/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên và Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2015/HC-PT ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã bác yêu cầu khởi kiện của bà S.

Ngày 19/7/2021, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND, trong đó thửa đất số 96 (có một phần đang do bà S lấn chiếm sử dụng) thuộc danh mục đất công do Nhà nước quản lý.

Ngày 24/3/2023, UBND phường U thông tin đến bà S về việc đề nghị bà S di dời, bàn giao phần diện tích đất bà S sử dụng thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường U; vì đất thuộc danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

Qua đó cho thấy, phần diện tích 1.904,7m² thuộc thửa 96 nêu trên gia đình bà S thừa nhận là đất do Nhà nước quản lý; Việc bà S xin cấp đất đã bị bác yêu cầu bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời phần đất này đã được Nhà nước xác lập quyền quản lý từ năm 1990 và liên tục lập các biên bản về việc lấn chiếm đất trái phép của gia đình bà S; Đã ban hành nhiều văn bản thông báo nhắc nhở yêu cầu bà S trả đất nhưng bà S không chấp hành.

Việc, bà S cho rằng, Quyết định số 310/QĐ/UB ngày 13/3/1990 của UBND huyện T về việc giao đất, thu hồi đất và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T ban hành trái pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

Như đã nêu trên, phần diện tích 1.904,7m² thửa số 96 tờ bản đồ số 35 là thuộc quyền quản lý của Nhà nước nhưng bà S đã có hành vi “Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý” nên ngày 15/3/2024, UBND phường U lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà S. Tuy nhiên, do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên ngày 25/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1948/QĐ- KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà S là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu)

Như đã nhận định nêu trên; việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1948/QĐ- KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà S là đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T có nội dung không công nhận khiếu nại của bà Trương Thị S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị S là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị S; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về việc hủy Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị S (lần đầu) đối với Quyết định số 1948/QĐ-KPHQ ngày 25/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị S không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (5);
- Lưu VT (5), HS (2) 18B (BA- TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh